

Số: 392 /BC-UBND

Lai Châu, ngày 29 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

**Đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR INDEX) năm 2025,
nhiệm vụ và giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX năm 2026**

I. CHỈ SỐ PAR INDEX NĂM 2025

Chỉ số PAR INDEX tỉnh Lai Châu năm 2025 đạt 85,51 điểm¹, giảm 0,46 điểm so với năm 2024. Trong đó, điểm thẩm định đạt 60,24/68,0 điểm (**đạt 88,59%**), tăng 0,14 điểm so với năm 2024, điểm điều tra xã hội học đạt 25,27/32,0 điểm (**đạt 78,96%**), giảm 0,6 điểm so với năm 2024².

So với năm 2024, có 3/8 chỉ số thành phần tăng điểm; 5/8 chỉ số thành phần giảm điểm, trong đó chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính giảm nhiều nhất 1,77 điểm), cụ thể:

Bảng kết quả các tiêu chí thành phần năm 2025 so với năm 2024

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm điểm so với năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9,5	9,41	9,5	9,24	-0.17
2	Cải cách thể chế	10	9,09	9	8,26	-0.83
3	Cải cách thủ tục hành chính	13	13	12	11,23	-1.77
4	Cải cách tổ chức bộ máy	10,5	9,56	10,5	9,53	-0.03
5	Cải cách chế độ công vụ	15	12,38	14,5	12,35	-0.03
6	Cải cách tài chính công	12	9,35	12	9,77	0.42
7	Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước	13,5	11	16	12,70	1.7
8	Tác động của CCHC phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	6,5	3,69	6,5	4,72	1.03

¹ Quyết định số 430/QĐ-BNV ngày 14/4/2026.

² Năm 2024 điểm thẩm định đạt 60,1/68 điểm, điểm điều tra XHH đạt 25,87/32 điểm.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/giảm điểm so với năm 2024
		Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	
9	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công (Chỉ số SIPAS)	10	8,16	10	7,71	-0.45
	TỔNG		85,97	100	85,51	-0.46

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ THEO TỪNG TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Đạt 9,24/9,5 điểm, mất 0,26 điểm. Có 5/7 tiêu chí đạt điểm tối đa, 2/7 tiêu chí bị mất điểm.

2. Cải cách thể chế: Đạt 8,26/9 điểm, mất 0,74 điểm, có 4/5 tiêu chí đạt điểm tối đa, 1/5 tiêu chí mất điểm.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Đạt 11,23/12 điểm, mất 0,77 điểm. có 3/5 tiêu chí đạt điểm tối đa, 2/5 tiêu chí bị mất điểm

4. Cải cách tổ chức bộ máy: Đạt 9,53/10,5 điểm, mất 0,97 điểm, có 1/3 tiêu chí đạt điểm tối đa, 2/3 tiêu chí mất điểm.

5. Cải cách công vụ: Đạt 12,35/14,5 điểm, mất 2,15 điểm, 1/6 tiêu chí đạt điểm tối đa, 5/6 tiêu chí mất điểm.

6. Cải cách tài chính công: Đạt 9,77/12 điểm, mất 2,23 điểm; cả 3/3 tiêu chí đều mất điểm.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Đạt 12,7/16 điểm, mất 4,3 điểm, có 1/4 tiêu chí đạt điểm tối đa, 3/4 tiêu chí mất điểm.

8. Tác động của cải cách hành chính: Đạt 12,43/15,5 điểm, mất 4,07 điểm, trong đó:

- Tác động đánh giá qua điều tra đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 đạt 7,71/10 điểm, mất 2,29 điểm.

- Tác động về phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 4,72/6,5 điểm, mất 1,78 điểm.

(Có biểu kết quả chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

Công tác xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2025 tiếp tục được UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tiến độ theo quy định. Việc tự chấm điểm và cung cấp tài liệu kiểm chứng của tỉnh tương đối chính xác với kết quả thẩm định do Bộ Nội vụ công bố (*tỉnh Lai Châu tự chấm được*

60,29/68,0 điểm; kết quả do Bộ Nội vụ, ngành thẩm định đạt 60,24/68,0 điểm).

Các nội dung do Bộ Nội vụ và các thành viên trong Hội đồng thẩm định đánh giá trên cơ sở kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính, cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh Lai Châu trong năm 2025 có 15/38 tiêu chí đạt điểm tối đa.

Một số tiêu chí chấm điểm trong năm 2024 không đạt hoặc đạt điểm thấp đã được cải thiện trong năm 2025 như: khắc phục tồn tại sau kiểm tra cải cách hành chính; tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức; công tác tài chính ngân sách, quản lý sử dụng tài sản công; mức độ thu hút đầu tư, mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế (có 23/38 tiêu chí bị mất điểm):

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tỷ lệ cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 chưa đạt: Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đạt 92,04%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 92,25%; tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,57%. Nguyên nhân, mục tiêu được xây dựng theo mục tiêu Chính phủ giao hằng năm, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, việc số hóa hồ sơ tại một số đơn vị còn chậm, tỷ lệ người dân sử dụng kết quả điện tử chưa cao, dẫn đến kết quả thực hiện chưa đạt theo yêu cầu đề ra.

- Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao quá hạn³. Tại Báo cáo số 105/BC-VPCP ngày 06/01/2026 của Văn phòng Chính phủ “năm 2025 tỉnh Lai Châu được giao 40 nhiệm vụ, đã hoàn thành 34 nhiệm vụ, có 06 nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành”. Nguyên nhân: Một số nhiệm vụ mặc dù tỉnh đã cập nhật kết quả thực hiện trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ, tuy nhiên việc xác nhận hoàn thành trên Hệ thống chưa được cập nhật kịp thời nên ảnh hưởng đến kết quả đánh giá.”

- Việc công khai TTHC ở nhiều mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh còn chưa đạt yêu cầu, thiếu thống nhất và chưa tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp (tại chuyên mục Thủ tục hành chính công, TTHC tuyển dụng công chức vẫn dẫn chiếu các mẫu đơn và quy định hết hiệu lực thi hành, nhóm TTHC cấp

³ 6/40 nhiệm vụ

xã chỉ có TTHC; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không cập nhật đầy đủ TTHC, vẫn công khai, dẫn chiếu đến các quy định, tờ khai đã hết hiệu lực như TTHC; thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích vẫn dẫn chiếu đến các biểu mẫu tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành).

- Vẫn còn hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn (cấp tỉnh có 0.75%, cấp xã có 1.69%). Nguyên nhân, do việc theo dõi, cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tại một số đơn vị chưa kịp thời; công tác phối hợp trong xử lý hồ sơ có thời điểm còn chưa chặt chẽ; việc chấp hành quy trình, thời gian giải quyết TTHC của một số bộ phận, công chức chưa nghiêm, dẫn đến vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết quá hạn, một số đơn vị có hồ sơ quá hạn như: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Pa Ủ, Hồng Thu, Nậm Mạ, Tà Tổng, Hua Bum.

- Bố trí số lượng cấp phòng chưa đảm bảo theo quy định. Nguyên nhân, do trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, hợp nhất và tổ chức lại các phòng chuyên môn theo quy định mới, một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời thực hiện điều chỉnh số lượng cấp phó phòng phù hợp với cơ cấu tổ chức và vị trí việc làm được phê duyệt tại điểm b, khoản 2, Điều 5 và điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Không tăng thêm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên không tăng so với năm 2024. Nguyên nhân, do phần lớn đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chủ yếu do Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế; mặt khác, việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và thực hiện các cơ chế, chính sách mới cũng ảnh hưởng đến lộ trình nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị.

- Tỷ lệ dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia của tỉnh chưa đầy đủ (kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ trên hệ thống NDXP).

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, tỷ lệ thanh toán trực tuyến chưa đạt theo yêu cầu (kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ trên Hệ thống EMC). Nguyên nhân, do hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin tại một số khu vực chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân; trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; thói quen nộp hồ sơ trực tiếp, sử dụng tiền mặt vẫn còn phổ biến. Ngoài ra, việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công

trực tuyến và thanh toán trực tuyến tại một số cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa đồng đều, dẫn đến tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và thanh toán trực tuyến còn thấp so với yêu cầu đề ra.

Mặc dù nhiều tiêu chí được các Bộ, ngành Trung ương thẩm định và đánh giá đạt điểm tối đa, nhưng kết quả điều tra xã hội học đối với một số nội dung tiêu chí đánh giá tác động của cải cách hành chính⁴ và mức độ hài lòng của người dân⁵ còn thấp, làm ảnh hưởng đến Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Nguyên nhân, do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, trình độ tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân chưa đồng đều; chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công tại một số cơ quan, đơn vị có mặt còn hạn chế; công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân ở một số nơi chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc ở một số cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa thường xuyên; chất lượng phục vụ người dân tại một số bộ phận còn hạn chế; việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa thật sự hiệu quả, ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công. Mặt khác, kết quả điều tra là ý kiến đánh giá của từng đối tượng khảo sát gồm: Đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, lãnh đạo cấp phòng chuyên môn của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và người dân trên địa bàn tỉnh. Phiếu khảo sát gồm nhiều câu hỏi với nhiều phương án lựa chọn; do đó rất khó để đạt điểm tối đa tuyệt đối (nếu đạt điểm tối đa thì 100% người được trả lời phải trả lời 100% câu hỏi với phương án lựa chọn là tốt nhất).

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CHỈ SỐ PAR INDEX TỈNH LAI CHÂU NĂM 2026

1. Mục tiêu: Tiếp tục duy trì những nội dung đánh giá đã đạt điểm tối đa; cải thiện, nâng cao các nội dung đánh giá mà điểm chưa đạt hoặc đạt chưa được tối đa theo thang điểm chấm của Bộ Chỉ số.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương

- Khẩn trương xây dựng Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế, đặc biệt là các Chỉ số thành phần thuộc phạm vi phụ trách của ngành, lĩnh vực; hoặc những hạn chế, khuyết điểm liên quan trực tiếp đến đơn vị mình.

- Thực hiện tốt công tác cải cách TTHC; triển khai thực hiện có hiệu quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường

⁴ Tác động của công tác cải cách hành chính đến cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, công tác quản lý tài chính công, chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử

⁵ Đánh giá về xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách công và cung ứng dịch vụ hành chính công

điện tử; tiếp tục duy trì và tổ chức có hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử và thực hiện số hóa TTHC theo đúng quy định.

- Quán triệt, tuyên truyền nâng cao ý thức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức. Gắn với công tác tuyên truyền là công tác thanh tra, kiểm tra công vụ và đánh giá, xếp loại cán bộ, CCVC để sàng lọc những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được điều kiện, tiêu chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tinh thông, đủ đức, đủ tài để phục vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới cơ chế tài chính, xây dựng dự toán chi thường xuyên theo hướng tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi không cần thiết gắn với kế hoạch tỉnh gián biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính. Tiếp tục tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Tiến hành các giải pháp đồng bộ để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt; đẩy nhanh tiến độ các dự án đã, đang triển khai; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

- Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành, khai thác hiệu quả dữ liệu ngành, đặc biệt là dữ liệu dân cư theo Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ việc xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu nền tảng, phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và các tiện ích số nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Nâng cao chất lượng tổ chức các hội nghị đối thoại giữa chính quyền tỉnh với người dân, doanh nghiệp. Tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế hộ, kinh tế tư nhân thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư và công tác thu hút đầu tư theo đúng chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư chung của tỉnh trong thời gian tới phù hợp với cơ chế, chính sách của Trung ương và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Sở Nội vụ

- Tiếp tục chủ động, bám sát nhiệm vụ chuyên môn và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ để tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các văn bản

chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính kịp thời, chất lượng.

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan trong công tác tự chấm điểm, tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 theo yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch duy trì, cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của tỉnh trong năm 2026, trong đó cần xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để làm tốt hơn nữa những nội dung đã được ghi nhận trong năm 2026, khắc phục những nội dung chưa đạt được hoặc đã đạt nhưng chưa toàn diện.

- Tham mưu, theo dõi các chỉ số thành phần: Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

- Chủ trì theo dõi, phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương thực hiện đo lường sự hài lòng về sự phục vụ của các cơ quan hành chính trong năm 2025.

2.3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Chủ động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện đánh giá và công khai chất lượng kết quả đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, tỷ lệ hồ sơ được số hóa kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC của các cấp trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán và phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.

- Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông bảo đảm theo quy định. Thực hiện chặt chẽ các thủ tục hành chính giải quyết theo hình thức tại chỗ tại Trung tâm. Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công của những cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.4. Sở Tư pháp

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai tốt nội dung cải cách thể chế: Theo dõi thi hành pháp luật; rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời công

bổ danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành một phần hoặc toàn bộ và kịp thời ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho các quy định trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra, góp phần nâng cao tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản QPPL tại tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật đến người dân, doanh nghiệp.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao kết quả điều tra xã hội học đánh giá tác động của cải cách hành chính đến chất lượng văn bản QPPL do tỉnh ban hành.

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để khai thác, sử dụng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức chủ động nghiên cứu, khai thác và ứng dụng các nền tảng AI phù hợp vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển trong giai đoạn hiện nay.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai các biện pháp để tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động sáng kiến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đóng góp các sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính hiệu quả, mang tính đột phá để có thể triển khai nhân rộng ra toàn tỉnh.

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và các giải pháp công nghệ thông tin nhằm nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình, hồ sơ thanh toán trực tuyến.

2.6. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện kiểm tra các quy định về quản lý tài sản công theo quy định.

- Đôn đốc việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh

phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện khắc phục các kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thực hiện chỉ số thành phần về cải cách tài chính công của tỉnh trong năm 2026.

- Chủ trì, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cố gắng phấn đấu 100% các chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch HĐND tỉnh giao, thu ngân sách của tỉnh vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao trong năm 2026.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức các giải pháp nhằm tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển.

- Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh. Tăng cường đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để đối thoại, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải.

- Tham mưu tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập doanh nghiệp; tham mưu UBND tỉnh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để tăng tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới, duy trì và phát triển các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo phân tích Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu năm 2025, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX tỉnh Lai Châu năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, Hcc4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải

BIỂU KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC							
1,1	Thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	1,46	-0,04	0,04	Một số chỉ tiêu của năm 2025, tỉnh Lai Châu không đạt, cụ thể: Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đạt 92,04%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 92,25%; tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 93,57%. <i>Theo Kế hoạch năm 2025: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC đạt 100%</i>	Văn phòng UBND tỉnh	
1,2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,5	0,50	0,00	0			
1,3	Công tác kiểm tra CCHC	1,5	1,50	0,50	0			
1,4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5	1,50	Không so sánh do thang điểm đánh giá khác nhau.	0			
1,5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ	1	1,00	0,00	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
	CCHC							
1,6	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	2	2,00	0,08	0			
1,7	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1,28	-0,22	0,23	Có nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao bị quá hạn. <i>Theo Báo cáo số 105/BC-VPCP ngày 06/01/2026 của Văn phòng Chính phủ “năm 2025 tỉnh Lai Châu được giao 40 nhiệm vụ, đã hoàn thành 34 nhiệm vụ, có 06 nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành”.</i>	Văn phòng UBND tỉnh	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
2,1	Tổ chức thi hành pháp luật	2	2,00		0,00		Sở Tư pháp	
2,2	Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm	0,5	0,50	0,00	0,00			
2,3	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	1,5	1,50	0,25	0,00			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
2,4	Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	1	1,00	0,00	0,00			
2,5	Chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	4	3,26	-0,08	0,74	Kết quả đạt được Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: tính đồng bộ, thống nhất; tính hợp lý; tính khả thi và tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương. (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)	- Sở Tư pháp. - Sở Nội vụ: <i>Phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai, theo dõi tiến độ trả lời phiếu khảo sát của các đối tượng.</i>	<i>Đối tượng được điều tra gồm:</i> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
3,1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1,00	0,00	0			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
3,2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	3,5	2,75	-0,73	0,75	Cổng Thông tin điện tử của tỉnh công khai TTHC ở nhiều mục nhưng nội dung thiếu thống nhất và chưa tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức: Công khai thủ tục hành chính và các quy định có liên quan chưa đạt yêu cầu tại Chuyên mục Thủ tục HCC trên Cổng TTĐT của tỉnh, ví dụ như lĩnh vực nội vụ: TTHC tuyển dụng công chức, vẫn dẫn chiếu đến các mẫu đơn, tờ khai và quy định hết hiệu lực thi hành (NĐ 138, NĐ 116 đã hết hiệu lực); nhóm TTHC cấp xã chỉ có 05 TTHC là chưa đầy đủ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không cập nhật đầy đủ TTHC, vẫn công khai, dẫn chiếu đến các quy định, tờ khai đã hết hiệu lực như TTHC; Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích vẫn dẫn chiếu đến các biểu mẫu tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành).	Văn phòng UBND tỉnh	
3,3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2,5	2,50	0,00	0			
3,4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	4	3,98	-1,02	0,02	Do vẫn còn hồ sơ giải quyết bị trễ hạn (ở cấp tỉnh có 0,75% và cấp xã có 1,69% hồ sơ trễ hạn).	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Pa Ủ, Hồng Thu, Nậm Mạ, Tà Tổng, Hua Bùm.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
3,5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1,00	0,00	0			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH							
4,1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	6,5	5,76	-0,03	0,74	Bố trí chưa bảo đảm số lượng cấp phó tại phòng chuyên môn theo số lượng biên chế được giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ)	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và Sở Ngoại vụ
4,2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	1	1,00	0,00	0,00			
4,3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	3	2,77	0,00	0,23	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh và tính hợp lý trong phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)	Sở Nội vụ	<i>Đối tượng được điều tra gồm:</i> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành,

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
								UBND các xã, phường
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,75	1,75	0	0			
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	2,5	2,23	-0,06	0,27	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: tính công khai, minh bạch, tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức	Sở Nội vụ	<i>Đối tượng được điều tra gồm:</i> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
5.3	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	2,75	2,49	-0,01	0,26	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: tính công khai, minh bạch, tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức		
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1,5	1	0,5	0,5	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)		
5.5	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	Không so sánh do thang điểm đánh giá khác nhau						
5.6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng	2	1,77	0,07	0,23	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của	Sở Nội vụ	<i>Đối tượng được điều tra gồm:</i>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
	công chức, viên chức					các đối tượng về: Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)		<ul style="list-style-type: none"> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
5.7	Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	3,109	0,05	0,89	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc; tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc; tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc; tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính. (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)		<i>Đối tượng được điều tra gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5	4,25	0,18	0,75	<p>- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch giao năm 2025 không đạt (<i>Năm 2025 tỉnh giải ngân được 72.8% vốn đầu tư công theo kế hoạch giao - Tổng kế hoạch vốn thực hiện của tỉnh Lai Châu là: 3.837.544 triệu đồng. Lũy kế giải ngân vốn 12 tháng là 2.794.582 triệu đồng</i>).</p> <p>- Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng: Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; công tác quản lý, sử dụng tài sản công. (<i>Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu</i>)</p>	<p>Sở Tài chính</p> <p>Sở Nội vụ theo tiến độ trả lời phiếu điều tra</p>	<p>Một số đơn vị Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước thấp như: Hua Bum, Mường Tè, Bản Bo, Nậm Sỏ, Thu Lũm, Bum Nura, Lê Lợi</p> <p><i>Đối tượng được điều tra gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3	2,763	0,48	0,24	Năm 2025, chưa thực hiện xong việc nộp ngân sách nhà nước theo các kiến nghị tại các kết luận thanh tra về tài chính, ngân sách các năm 2010, 2017, 2019, 2021, 2025: Tổng số kiến nghị phải nộp NSNN là 14.591 triệu đồng;	Sở Tài chính	Ban quản lý dự án thành phố Lai Châu, Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Sìn Hồ, Ban QLDA huyện Tam

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
						số đã thực hiện 11.701 triệu đồng – đạt 80,19%, Số tiền chưa thực hiện được là 2.890 triệu đồng		Đường, Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Lai Châu (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lai Châu), Ban QLDA huyện Phong Thổ, Ban Quản lý dự án huyện Nậm Nhùn (nay là Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT).
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	4	2,762	-0,23	1,24	Năm 2025, tỉnh không có tăng thêm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên không tăng so với năm 2024.	Sở Tài chính	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
						Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng về: Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL); tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL. (Có 04 mức đánh giá: Rất tốt, tốt, trung bình, yếu)	Sở Nội vụ theo tiến độ trả lời phiếu điều tra	Đối tượng được điều tra gồm: - Đại biểu HĐND tỉnh, - Lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND các xã, phường; - Lãnh đạo các phòng chuyên môn sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ							
7.1	Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số	1,5	1	Không so sánh do năm 2024 không đánh giá	0,5	Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định trên phần mềm là tỉnh không cung cấp được minh chứng cho kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ngoài các nhiệm vụ được xây dựng trong kế hoạch của UBND tỉnh năm 2025 (<i>tuy nhiên, kiểm tra lại trên hệ thống phần mềm vẫn có biểu kết quả thực hiện các nhiệm vụ ngoài kế hoạch</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ;	
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	3,5	2,975	-0,09	0,53	Do tài khoản truy cập cung cấp không đăng nhập vào ứng dụng AI nâng cao khác: tại địa chỉ https://ioc.laichau.gov.vn nên Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) không đạt.	Sở Khoa học và Công nghệ;	Sở Khoa học và Công nghệ trong cung cấp tên, tài khoản đăng nhập

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
8.1	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công	10	7,71	-0,44	2,29	Kết quả đạt được do Bộ Nội vụ tính điểm trên cơ sở mức độ đánh giá của các đối tượng là người dân về: Tổ chức, thực hiện chính sách công và cung ứng dịch vụ công. <i>(các mức đánh giá gồm: Rất hài lòng; hài lòng, trung bình, không hài lòng và rất không hài lòng)</i>	Sở Nội vụ theo tiến độ trả lời phiếu điều tra.	Năm 2025, Bộ Nội vụ thực hiện khảo sát người dân tại các xã, phường: Tân Phong; Thu Lũm; Tà Tổng; Bum Nưa; Pa Tần; Lê Lợi; Sỉ Lở Lầu; Khổng Lào; Nậm Cuối; Tân Uyên; Khoen On; Mường Mô. Nội dung đo lường sự hài lòng:
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1,00	1,00	0,00		Sở Tài chính	
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1,50	1,50	0,50	Trên địa bàn tỉnh chỉ có 0,1% doanh nghiệp tại tỉnh có hoạt động đổi mới sáng tạo, đạt 0/0,5 điểm (trong khi quy định chấm điểm phải có từ 20% trở lên doanh nghiệp của tỉnh có hoạt động đổi mới sáng tạo mới được tính điểm)		
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	2	1,25	0,00	0,75	Việc thực hiện thu ngân sách, theo kết quả thẩm định của Bộ Tài chính thẩm định, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 3.277.9 tỷ đồng, chỉ xếp thứ 33/34 địa phương trên cả nước về thu ngân sách nhà nước. <i>Báo cáo số 772/BC-STC ngày 15/12/2025 của Sở Tài chính về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 12 tháng năm 2025.</i>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Năm 2025		Mức tăng/giảm điểm so với năm 2024	Điểm năm 2025 bị mất	Tồn tại	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ	Các đơn vị còn tồn tại làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC
		Điểm chuẩn	Điểm đạt được					
8.5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1,5	0,97	0,03	0,53	<p>Không hoàn thành 100% các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội:</p> <p><i>Năm 2025 HĐND tỉnh giao 31 chỉ tiêu phát triển KT-XH, đã hoàn thành 26/31 chỉ tiêu (08 chỉ tiêu vượt kế hoạch; 18 chỉ tiêu đạt kế hoạch); còn 05/31 chỉ tiêu không đạt, cụ thể: 02 chỉ tiêu không đạt kế hoạch: Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc (trách nhiệm thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường); Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia (trách nhiệm thuộc về Sở Giáo dục và Đào tạo). 03 chỉ tiêu không đánh giá do thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (nhưng Bộ vẫn thẩm định đánh giá là mục tiêu không đạt) gồm: Các chỉ tiêu nông thôn mới (trách nhiệm thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường); Chỉ tiêu dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (trách nhiệm thuộc về Sở Xây dựng); Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý (trách nhiệm thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường).</i></p>		